

NGHỊ QUYẾT

Về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023, huyện Châu Thành

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 1659/SKHĐT-ĐTTĐ, ngày 15/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Công văn số 2254/SKHĐT-ĐTTĐ, ngày 14/9/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng về việc chuẩn bị thủ tục đầu tư dự án dự kiến khởi công năm 2023 nguồn ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND, ngày 29/9/2022 của UBND huyện Châu Thành về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023, huyện Châu Thành; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng với số vốn dự kiến là **89.577,568 triệu đồng**, gồm:

- Vốn cân đối ngân sách huyện: 23.122 triệu đồng.
- Vốn thu tiền sử dụng đất: 6.000 triệu đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết: 19.800 triệu đồng.

- Vốn Tỉnh hỗ trợ từ NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 27.114 triệu đồng.

- Vốn Tỉnh hỗ trợ từ NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 13.541,568 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục 3, 4, 5, 6 đính kèm)

Số vốn trên là dự kiến của địa phương, sau khi UBND tỉnh có ý kiến, thông báo số kiểm tra, địa phương sẽ tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh lại kế hoạch đầu tư công năm 2023 trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh lại kế hoạch đầu tư công năm 2023 trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT.Huyện ủy, TT.HĐND; UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện, khóa XII;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT HĐND *th*

CHỦ TỊCH



Sơn Pô

Phụ lục 03

NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	391.327,242	88.033,000	64.701,038	89.577,568	
1	Vốn NSNN	391.327,242	88.033,000	64.701,038	89.577,568	
	Trong đó:					
a)	Vốn ngân sách địa phương	309.440	88.033	46.841	48.922	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xố số)	107.512	19.073	19.073	23.122	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	15.000	4.200	4.800	6.000	
-	Xố số kiến thiết (tính hỗ trợ)	183.960	64.760	20.000	19.800	
-	Tính bổ sung mục tiêu từ tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021	2.968		2.968	-	
b)	Vốn ngân sách trung ương	81.887,242		17.860,038	40.655,568	
	Vốn trong nước					
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	43.732		10.728	27.114	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	38.155,242		7.132,038	13.541,568	
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					

DỰ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số: **108**/NQ-HĐND ngày **05 tháng 10** năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025		Lấy, kế vốn ước giải ngân từ khi khởi công đến hết KH năm 2022		Như cầu Kế hoạch năm 2023		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:	Trong đó:		
							Kế hoạch trung hạn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch trung hạn còn lại của dự án đến cuối năm 2025			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: ngân sách huyện quản lý, hỗ trợ
	TỔNG SỐ					34.468	11.108	5.757	11.108	29.122			
A	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN					27.628	7.948	2.077	7.948	23.122			
A.1	NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ					27.628	7.948	2.077	7.948	23.122			
I	Giao thông			24.450		9.500	9.500	1.377	7.648	8.377			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					9.500	9.500	1.377	7.648	1.377			
1	Đường Rạch Hàng Bần, xã Thuận Hòa	808/QĐ-UBND, 10/11/2021	9.500	9.500		9.500	9.500	1.377	7.648	1.377			
	<i>Dự án khởi công mới</i>			14.950						7.000			
1	Hệ thống cầu giao thông tuyến Ba Rình Mới A, Ba Rình Mới B, Ba Rình Cũ A, tuyến đường Trà Canh Ruộng, huyện Châu Thành	807/QĐ-UBND, 10/11/2021	14.950	14.950		14.203				7.000			
II	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					3.400				3.400			
	<i>Dự án khởi công mới</i>												
1	Trường mầm non Hoa Sen	823/QĐ-UBND, 20/11/2021	5.930	3.610		3.400				3.400			
III	Khác												
1	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán					1.000	300	700	300	11.345			
2	Đổi ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	24/2021/QH15, 28/7/2021	1.391	1.391		1.000				200			
3	Đổi ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	24/2021/QH15, 28/7/2021								2.000			
B	VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT					6.840	3.160	3.680	3.160	6.000			
B.1	NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ					6.840	3.160	3.680	3.160	6.000			
I	Giao thông					6.840	3.160	3.680	3.160	3.680			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế vốn ước giải ngân từ khi khởi công đến hết KH năm 2022		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách huyện, quản lý	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT	Tổng số	Kế hoạch trung hạn còn lại của dự án đến cuối năm 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách huyện, quản lý, hỗ trợ	
I	Đường Eung Tróp B - An Tập, xã An Hiệp	809/QĐ-UBND, 10/11/2021	7.200	7.200	835/QĐ-UBND, ngày 29/11/2021	7.200	7.200	3.160	3.160	3.160	3.680	
II	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp											
I	Trường mầm non Hoa Sen	823/QĐ-UBND, 20/11/2021	5930	2320			2.320				2.320	

Ghi chú:

- (1) Chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.
- (2) Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện theo qui định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định

DỰ ÁN XÂY DỰNG CHỈ ĐẠU TỰ VẬN XỐ SÓ KIẾN THIẾT NĂM 2023

Kiểm tra, Nghi quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 02 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh, hỗ trợ	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trong hạn 5 năm giải ngân 2021 - 2025		Lấy kế vốn ước giải ngân từ khi khởi công đến hết KH năm 2022		Nhu cầu Kế hoạch năm 2023		Chỉ chi	
										Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số	Kế hoạch trung hạn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch trung hạn còn lại của dự án đến cuối năm 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh, hỗ trợ		Tổng số
TỔNG SỐ																			
A VON XỐ SÓ KIẾN THIẾT TỈNH HỖ TRỢ																			
A.1 NGÂN SÁCH HUYỆN QUẢN LÝ																			
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							59.600	59.600			29.800	29.800	20.000	20.000	19.800			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							29.800	29.800			29.800	29.800	20.000	20.000	19.800			
1	Trường tiểu học thị trấn Châu Thành A, huyện Châu Thành	thị trấn Châu Thành	Kho bạc: NN huyện Châu Thành	072	Khởi phòng học, khởi phòng chức năng, khởi công trình phụ vụ bán trú, khởi hành chính quán trị, các hạng mục phụ trợ	2022-2023	709/NQ-UBND, 08/9/2021	14.900	14.900			14.900	14.900	10.000	10.000	4.900			
2	Trường mầm non thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	thị trấn Châu Thành	Kho bạc: NN huyện Châu Thành	071	Khởi phòng học, khởi phòng chức năng, khởi hành chính quán trị, khởi phụ trợ	2022-2023	706/NQ-UBND, 08/9/2021	14.900	14.900			14.900	14.900	10.000	10.000	4.900			
	<i>Dự án khởi công mới</i>							29.800	29.800			29.800	29.800	20.000	20.000	19.800			
1	Trường tiểu học An Ninh B	xã An Ninh	Kho bạc: NN huyện Châu Thành	072	Khởi phòng học, hỗ trợ học tập; hành chính quán trị, thiết bị; các hạng mục phụ	2023-2024	703/QĐ-UBND, 08/9/2021	14.900	14.900			14.900	14.900	10.000	10.000	4.900			
2	Trường tiểu học An Hiệp A	xã An Hiệp	Kho bạc: NN huyện Châu Thành	072	Khởi phòng học tập, hỗ trợ học tập; phụ trợ; chi tạo 16 phòng học; thiết bị; các hạng mục phụ	2023-2024	707/QĐ-UBND, 08/9/2021	14.900	14.900			14.900	14.900	10.000	10.000	4.900			

Chỉ chú:

(1) Chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công nguồn vốn của đối ngân sách địa phương đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

(2) Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện theo qui định của Luật Đầu tư công, Nghi định số 40/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Dự án nhóm	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Chị chủ					
						Giai đoạn 2021-2025					Trong đó đã giao KH năm 2021, 2022						Nhu cầu kế hoạch năm 2023				
						Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG SỐ					53.692,564				7.132,038				63.220,715	40.655,568						
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					53.692,564				7.132,038				63.220,715	40.655,568						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					27.114								47.716	27.114						
1	Đường, sau chùa Peng Som Rath, xã An Hiệp	C	An Hiệp	Đường BTCT, L=1.400m; R=3,5m	2023-2025	2.793								2.933	2.793						
2	Đường, bờ Tây kênh Ba Rinh cũ (giai đoạn -)	C	Hồ Đắc Kiên	Đường BTCT, L=1267m; R=3m	2023-2025	2.793								2.933	2.793						
3	Cải tạo, mở rộng Đường huyện 92 (giai đoạn)	C	Hồ Đắc Kiên	Đai 3.800m	2023-2025	19.128								38.256	19.128						
4	Trạm bơm HTX nông nghiệp Quyết Thắng	C			2023	2.400								3.594	2.400						
B	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025					26.578,564				7.132,038				15.504,715	13.541,568						
*	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					14.084,046				2.862,144				6.692,167	6.083,788						
1	Hỗ trợ đất ở (28 hộ)			Năm 2022: 15 hộ; Năm 2023 dự kiến 12 hộ		1.126,925				603,616				528,112	480,102						
2	Hỗ trợ nhà ở (282 hộ)			Năm 2022: 46 hộ; Năm 2023 dự kiến 128 hộ		11.349,744				1.851,088				5.149,090	4.680,991						



TT	Đanh mục dự án	Dự án nhóm	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Nhu cầu kế hoạch năm 2023		
						Giai đoạn 2021-2025					Trong đó đã giao KH năm 2021, 2022					Tron : đó: NSTW		
						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
													Ghi chú					
3	Hỗ trợ đất sản xuất (71 hộ)			Năm 2022: 18 hộ; Năm 2023 dự kiến 66 hộ			1.607,377			407,440			1.014,965	922,695				
*	Dự án 4						12.494,518			4.269,894			8.812,548	7.457,780				
**	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số						12.494,518			4.269,894			8.812,548	7.457,780				
***	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số						12.264,958			4.269,894			8.582,988	7.228,220				
1	Đường đal áp Trà Quyết A (từ đường Bạch Đằng đến phía sau Viện Kiểm Sát), thị trấn Châu Thành	C	thị trấn Châu Thành	Đường BTCT; D = 400m; R = 3,5m	2022-2023		727,940			401,753			398,829	326,187				
2	Đường Salaten di kênh 5 Dán	C	Phú Tân	Đường BTCT; D = 700m; R = 3,5m	2022		1.318,204			743,080			706,920	575,124				
3	Đường đal hẻm Đầm Bò	C	An Hiệp	Đường BTCT; D = 346m; R = 3,5m	2023		800						880	800				
4	Đường đal áp Phú Bình	C	Phú Tâm	Đường BTCT; D = 2000m; R = 3m	2023		2.600						2.860	2.600				
5	Đường Rạch Sa Bàu (giai đoạn 2)	C	Thuận Hòa	Đường BTCT; D = 1.620m; R = 3,5m	2023		2.700						2.897	2.700				
6	Đường đal áp Trà Quyết A (điểm đầu kênh Xây Cáp Nhỏ đến giáp hộ Nguyễn Văn Hải), thị trấn Châu Thành	C	thị trấn Châu Thành	Đường BTCT; D = 447m; R = 3,5m	2023-2024		993,753						327	226,909				
***	Nội dung 2 - đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS						229,560						229,560	229,560				
1	Nâng cấp chợ Bung Tróp		An Hiệp		2023		229,560						229,560	229,560				